

令和 6 年 9 月

南空知公衆衛生組合一般廃棄物最終処分場汚水処理施設月報

設置主体名	南空知公衆衛生組合	処理方法	生物処理
設置名	浸出水処理施設	処理能力	60t/日
技術管理者名	北島 康弘	放流水の有無	有

項目	水量	P H	透視度	温度	備考
原水流量	52.9 t	7.62	4.4 cm	19.0 °C	
放流量	53.1 t	7.60	50.0 cm	19.7 °C	

(平均値=別紙調査表による)

項目	電灯使用量	動力使用量	水道使用量	備考
月間使用量	288 KWH	3,636 KWH	7.52 t	
日平均使用量	9.3 KWH	117.3 KWH	0.24 t	

項目	一次破碎不燃	二次破碎不燃	破碎不適物	焼却残渣	ビン・缶残渣	プラ残渣
月計	6台 2.01t	20台 37.94t	27台 19.31t	3台 23.20t	1台 2.42t	
前月累計	46台 16.34t	119台 232.56t	163台 115.42t	14台 107.64t	7台 15.00t	
年度計	52台 18.35t	139台 270.50t	190台 134.73t	17台 130.84t	8台 17.42t	

小計	
月計	57台 84.88 t
前月累計	349台 486.96 t
年度計	406台 571.84 t

項目	脱水ケーキ量	合計(ケーキ量含)
月計	t	57台 84.88 t
前月累計	0.40 t	349台 487.36 t
年度計	0.40 t	406台 572.24 t

項目	覆土運搬状況	埋立量
月計	台	212 m ³
前月累計	171台	1,217 m ³
年度計	171台	1,430 m ³

項目	日
搬入日数	17
日平均搬入数量	4.99 t

月	ごみ埋立量	搬入台数
4	73.89 t	59台
5	118.90 t	88台
6	96.15 t	69台
7	100.96 t	65台
8	97.46 t	68台
9	84.88 t	57台
10	t	台
11	t	台
12	t	台
1	t	台
2	t	台
3	t	台
計	572.24 t	406台

薬品名	使用量
スケール分散剤	20.00 kg
凝集剤 パック	100.00 kg
凝集助剤 ポリマ	0.80 kg
固形塩素剤	3.00 kg
脱水助剤 104	kg
脱水助剤 94b	kg
アワゼロン	kg
清缶剤	kg
並塩	kg
リン酸	kg
保護マット	枚
汚泥量	m ³
脱水ケーキ量	t
脱水機運転時間	H

日	天候	10時気温	最高気温	最低気温
1		°C	°C	°C
2	曇	23 °C	28 °C	16 °C
3	晴	23 °C	26 °C	16 °C
4	晴	22 °C	27 °C	13 °C
5	晴/曇	22 °C	27 °C	18 °C
6	晴	23 °C	24 °C	18 °C
7		°C	°C	°C
8		°C	°C	°C
9	晴	23 °C	26 °C	13 °C
10	晴/曇	19 °C	26 °C	14 °C
11	晴	17 °C	22 °C	17 °C
12	晴	18 °C	24 °C	15 °C
13	晴/曇	17 °C	25 °C	12 °C
14		°C	°C	°C
15		°C	°C	°C
16		°C	°C	°C
17	晴	19 °C	24 °C	9 °C
18	晴	22 °C	25 °C	14 °C
19	晴	21 °C	23 °C	10 °C
20	曇	21 °C	21 °C	11 °C
21		°C	°C	°C
22		°C	°C	°C
23		°C	°C	°C
24	晴	16 °C	21 °C	6 °C
25	晴	17 °C	21 °C	12 °C
26	晴	19 °C	24 °C	15 °C
27	曇/晴	18 °C	21 °C	15 °C
28		°C	°C	°C
29		°C	°C	°C
30	晴	19 °C	21 °C	11 °C